

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BUÔN HỒ
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 28/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 01-11-2021

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BUÔN HỒ, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Kim Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hải.

2. Ông Y Kim Kriêng

Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thị Mai – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ: Ông Từ Quốc Quyền – Kiểm sát viên

Ngày 01 tháng 11 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 79/2021/QĐST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị D, sinh năm 1983 – Có mặt

Trú tại: Thôn 9, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1977 – Vắng mặt.

Trú tại: Số 219 Nguyễn Chí T, tổ dân phố Đ, phường Đ, thị xã B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 01-02-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Thị D trình bày có nội dung:

Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 30/10/2001 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình chung sống ông P và bà D chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà. Do đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2020 cho đến nay, bà D và các con đã chuyển về nhà mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Bà D cảm thấy cuộc hôn nhân này không thể kéo dài.

Nay để đảm bảo cuộc sống riêng tư cho mỗi người và ổn định sinh sống làm ăn. Vì vậy, bà D yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà D được ly hôn với ông Nguyễn Văn P

Về con chung: Bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn P có 03 con chung tên Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/7/2001; Nguyễn Thị Yên L, sinh ngày 13/9/2005 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 15/9/2012. Hiện nay các con chung đang ở với bà D.

Nay ly hôn cháu Nguyễn Văn T đã đủ tuổi trưởng thành nên bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung Nguyễn Thị Yên L và Nguyễn Hoàng L cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tại đơn khởi kiện bà D yêu cầu ông Nguyễn Văn P phải cấp dưỡng nuôi hai con chung với số tiền 3.000.000 đồng/tháng. Tuy nhiên tại phiên hòa giải và tại phiên tòa bà D xin thay đổi nội dung khởi kiện về cấp dưỡng như sau: Bà D xin rút yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung, bà D chưa yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Bà D và ông P tự thỏa thuận với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn P mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng ông P đều vắng mặt không có lý do. Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vắng mặt ông P theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Buôn Hồ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án tại phiên tòa đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục và các quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về khởi kiện và thụ lý vụ án:* Ngày 01-02-2021 nguyên đơn nộp đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo; Ngày 04-02-2021, Tòa án Thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện; Ngày 24-02-2021 nguyên đơn bổ sung đơn khởi kiện; Cùng ngày 24-02-2021, Tòa án thông báo nộp tạm ứng án phí, ngày 26-02-2021 nguyên đơn nộp tạm ứng án phí. Tòa án thụ lý vụ án theo quy định tại Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là quan hệ pháp luật về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Trần Thị D và ông Nguyễn Văn P là quan hệ hôn nhân hợp pháp, ngày 30-10-2001 vợ chồng đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Trong quá trình chung sống bà D xác định vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thường xuyên uống rượu, đánh đập vợ con, đuổi vợ con ra khỏi nhà. Do đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, đến nay mâu thuẫn đã quá trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Qua xác minh tình trạng mâu thuẫn vợ chồng của ông Nguyễn Văn P và bà Trần Thị D ở địa phương thì được chính quyền địa phương cung cấp: Ông P và bà D sinh sống tại địa phương, cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông P thường xuyên rượu chè, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Mâu thuẫn giữa ông P, bà D trầm trọng nên cả hai đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa bà D và ông P đã vi phạm đến quyền và nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho bà D ly hôn ông P là phù hợp với Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng ông P, bà D có 03 con chung, bà D có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung Nguyễn Thị Yên L và Nguyễn Hoàng L cho đến tuổi trưởng thành và hai cháu L và L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo việc phát triển tâm sinh lý cũng như các sinh hoạt khác của con chung nên cần chấp nhận nguyện vọng của bà D cũng như của con chung là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình.

Đối với cháu Nguyễn Văn T tính đến nay đã đủ tuổi trưởng thành, bà D cũng không yêu cầu, nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung: Bà D không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị D.

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Trần Thị D được ly hôn với ông Nguyễn Văn P.

2. **Về con chung:** Giao hai con chung là cháu Nguyễn Thị Yên L, sinh ngày 13/9/2005 và Nguyễn Hoàng L, sinh ngày 15/9/2012 cho bà Trần Thị D trông nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi đủ tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Đối với cháu Nguyễn Văn T, sinh ngày 26/7/2001 tính đến thời điểm xét xử đã đủ tuổi trưởng thành, nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

Ông Nguyễn Văn P có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung và công nợ chung: Bà Trần Thị D không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Nguyên đơn bà Trần Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2019/0018136 ngày 26-02-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Buôn Hồ.

Bị đơn ông Nguyễn Văn P không phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND thị xã Buôn Hồ;
- Chi cục THA dân sự thị xã Buôn Hồ;
- UBND xã Pong Đrang, huyện Krông Búk;
- Các đương sự;
- Lưu vp, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Kim Chung